

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HS-ST
Ngày 28- 02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

2. Ông Nguyễn Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2025/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trà Ngọc T, sinh năm 1995 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 72A/2 khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nơi ở: 4 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trà Ngọc P (không rõ năm sinh) và bà Trương Thị H, sinh năm 1975; vợ tên Phạm Thị Kim Y, sinh năm 1988; có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2024); có 01 tiền án: Ngày 04/5/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 98/2017/HSST, chấp hành án tại Trại giam A (chấp hành xong hình phạt ngày 24/9/2021, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 27/7/2017 (chưa được xóa án tích)); tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 cho đến nay. Có mặt.

2. Trương Thị Phương L, sinh năm 1996 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; nơi ở: Số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tiếp viên (nhà hàng); trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vĩnh T1, sinh năm 1970 và bà Trương Thị Thu B, sinh năm 1979; chưa có chồng, có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 cho đến nay. Có mặt.

Người chứng kiến: Ông Vũ Trọng N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trà Ngọc T và Trương Thị Phương L cùng thuê căn nhà số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương chung sống với nhau như vợ chồng từ 14/4/2024. Vào khoảng đầu tháng 8/2024, T được một người chị quen biết tên H1 (không rõ lai lịch) cho một túi nylon miệng kéo dính bên trong đựng một gói nylon hàn kín chứa ma túy đá (Methamphetamine) và một túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy Khây (Ketamine), cùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. Số ma túy này T thường xuyên cất giữ và đem theo trên người để sử dụng. T và L đã cùng nhau sử dụng ma túy nhiều lần tại nhà thuê, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ của một ngày giữa tháng 8/2024 (ngày cụ thể không xác định), T lấy ma túy đá cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy nấu lên sử dụng trước rồi đưa cho L cùng sử dụng trong phòng ngủ.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 28/8/2024, T lấy ma túy đá cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy và nấu lên sử dụng rồi đưa cho L cùng sử dụng trong phòng ngủ. Số ma túy còn lại thì T cất giấu trong túi quần của mình.

Đến rạng sáng ngày 30/8/2024, T trở về nhà nhìn thấy L đang ngủ. T đem số ma túy còn lại gồm một túi nylon miệng kéo dính bên trong đựng một gói nylon hàn kín chứa ma túy đá (Methamphetamine), một túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy K (Ketamine) và một nỏ thủy tinh để trên bàn máy vi tính trong phòng ngủ. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, L thức dậy thì nhìn thấy số ma túy đó và biết là ma túy của T mang về. Lúc này, L lấy từ dưới bàn máy vi tính ra một bình thủy tinh có gắn một ống hút rồi lắp nỏ thủy tinh vào, cắt gói nylon hàn kín ra để đổ một ít ma túy đá vào nỏ thủy tinh rồi dùng bật lửa đốt nấu lên. Sau đó, L gọi T thức dậy để cùng sử dụng nhưng T ngủ say không dậy nên L cũng không sử dụng mà tiếp tục ngủ cùng T. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an phường T đến kiểm tra phát hiện trên bàn máy vi tính trong phòng ngủ của T và L có: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, trong nỏ thủy tinh có chứa chất màu nâu, 01 túi nylon miệng kéo dính đựng 01 gói nylon hở miệng chứa tinh thể màu trắng, 01 túi nylon miệng kéo dính chứa chất bột màu trắng, T khai nhận 02 túi nylon trên là ma túy đá và ma túy khây của T mang về với mục đích để sử dụng cùng với L nên Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật và đưa T, L về trụ sở Công an phường T làm việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) túi nylon miệng kéo dính đựng 01 gói nylon hở miệng chứa tinh thể màu trắng, khối lượng 0,0857 gam (M1-1); 01 túi nylon miệng kéo dính chứa chất bột màu trắng, khối lượng 0,1155 gam (M1-2).

- 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 nỏ thủy tinh (bên trong nỏ có chất màu nâu là ma túy đã bị đốt lửa nấu, khối lượng 0,0267 gam (M2)); 01 ống hút nhựa gắn vào 01 chai thủy tinh.

Kết luận giám định số: 4182/KL-KTHS(MT) ngày 06 tháng 09 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng và chất màu nâu gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng/trọng lượng: 0,0857 gam (M1-1); 0,0267 gam (M2). Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng/trọng lượng: 0,1155 gam (M1- 2).

Ngày 09/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trà Ngọc T, Trương Thị Phương L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngày 04/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trà Ngọc T và Trương Thị Phương L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 20 tháng 01 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trà Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Theo điểm i khoản 1 Điều 249 và điểm a, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Trương Thị Phương L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Theo điểm i khoản 1 Điều 249 và điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trà Ngọc T mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm a, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trà Ngọc T với mức án từ 09 (chín) năm đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo Trà Ngọc T phải chấp hành chung hình phạt của hai tội từ 11 (mười một) năm đến 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Phương L mức án từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị Phương L với mức án

từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo Trương Thị Phương L phải chấp hành chung hình phạt của hai tội từ 09 (chín) năm 9 (chín) tháng đến 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng tù.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 02 bì thư được niêm phong bên ngoài ghi số 4182M1/PC09M1, 4182M2/PC09M2; bên trong chứa thành phần ma túy còn lại sau giám định: M1-1= 0,0414 gam; M1-2= 0,0451 gam; M2=0,00 gam và 01 (một) nỏ thủy tinh, là mẫu vật còn lại sau giám định đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm chai thủy tinh có gắn ống hút nhựa, là dụng cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với người phụ nữ tên H1 hiện chưa xác minh, làm rõ được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Các bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo T và bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 8/2024 tại căn nhà số D khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Trà Ngọc T đã có hai lần (một lần vào khoảng giữa tháng 8/2024 và một lần vào ngày 28/8/2024) thực hiện hành vi rủ rê, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy và cung cấp ma túy cho Trương Thị Phương L để cùng nhau đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể. Những khi được T rủ rê thì L đều đồng ý. Hai lần sử dụng ma túy cùng nhau thì T và L đều sử dụng tại căn nhà mà cả hai thuê để ở, khi được T rủ rê thì L không ngăn cản mà đồng ý thực hiện. Mặt khác, Trà Văn T2 đã thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với mức án 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù

theo Bản án số 98/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương mà tiếp tục phạm tội mới. Tội phạm mà bị cáo T2 đã thực hiện là rất nghiêm trọng, thực hiện với lỗi cố ý nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm.

Vì vậy, hành vi của bị cáo Trà Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm a, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trương Thị Phương L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ đều là ma túy của bị cáo Trà Ngọc T. Ngày 30/8/2024, T đề số ma túy gồm: Một túi nylon miệng kéo dính bên trong đựng một gói nylon hàn kín chứa ma túy đá (Methamphetamine), một túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy khô (Ketamine) và một nỏ thủy tinh trên bàn máy vi tính trong phòng ngủ. Trong khi T đang ngủ, L biết số ma túy này là của T nhưng vẫn lấy ra đồ một phần vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy và nấu lên để sử dụng, số ma túy còn lại L cất về chỗ cũ (trên bàn máy tính). Tuy nhiên, sau khi gọi mà T không dậy để cùng sử dụng nên L không sử dụng mà đã đi ngủ cùng T cho đến khi bị bắt quả tang (Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/8/2024). Vì vậy, cả T và L đều phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ. Hành vi cất giấu 0,1124 gam ma túy loại Methamphetamine và 0,1155 gam ma túy loại Ketamine tại căn nhà số D khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhằm mục đích sử dụng của bị cáo T và bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Vì vậy, Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo với các tội danh, hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét thấy, đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người chủ động rủ rê, cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy nên có vai trò cao hơn bị cáo L.

[6] Hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” mà các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng. Các hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện đã gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước. Về nhận thức, các bị cáo biết ma túy là loại chất gây nghiện nguy hiểm do Nhà nước độc quyền và thống nhất quản lý. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, để có tác dụng tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân theo pháp

luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm thì cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội mới khi chưa được xóa án tích. Vì vậy bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[9] Về nhân thân: Các bị cáo đều biết rõ tác hại của ma túy mà vẫn cố tình sử dụng. Bị cáo T đã từng bị chấp hành án phạt tù nhưng không xem đó là bài học để cải tạo bản thân trở thành người có ích mà còn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý là thể hiện sự coi thường pháp luật.

[10] Xử lý vật chứng:

- Đối với 02 bì thư được niêm phong bên ngoài ghi số 4182M1/PC09M1, 4182M2/PC09M2; bên trong chứa thành phần ma túy còn lại sau giám định: M1-1 = 0,0414 gam; M1-2 = 0,0451 gam; M2 = 0,00 gam, là mẫu vật còn lại sau giám định. Đây là chất cấm lưu hành nên sẽ tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) nỏ thủy tinh và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm chai thủy tinh có gắn ống hút nhựa. Đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với người phụ nữ tên H1 hiện chưa xác minh, làm rõ được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

[12] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trà Ngọc T và bị cáo Trương Thị Phương L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

1. Áp dụng các điểm a, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

xử phạt bị cáo Trà Ngọc T 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trà Ngọc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo Trà Ngọc T phải chấp hành chung hình phạt của hai tội là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2024.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trương Thị Phương L 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trương Thị Phương L 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo Trương Thị Phương L phải chấp hành chung hình phạt của hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2024.

III. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Tịch thu tiêu hủy:

- 02 bì thư được niêm phong bên ngoài ghi số 4182M1/PC09M1, 4182M2/PC09M2, bên trong chứa thành phần ma túy còn lại sau giám định gồm: M1-1= 0,0414 gam; M1-2 = 0,0451 gam; M2=0,00 gam và 01 (một) nỏ thủy tinh.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm chai thủy tinh có gắn ống hút nhựa.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20/01/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An)

IV. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trà Ngọc T và bị cáo Trương Thị Phương L mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Dĩ An;
- Công an Tp. Dĩ An;
- Chi cục THADS Tp . Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân